

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/HSPT

Ngày 30 – 5 – 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền.
- *Các thẩm phán:* Ông Văn Công Dân.

Ông Nguyễn Đình Triết.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 119/2018/TLPT-HS ngày 16/4/2018 đối với các bị cáo Lê Văn D và Ngô Thị L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS - ST, ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

**1. LÊ VĂN D**, sinh năm 1968, tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Buôn R, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; con ông: Lê Văn A và bà Lê Thị N (đều đã chết); bị cáo có vợ là Ngô Thị L và 04 con: con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2016, hiện đang tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

**2. NGÔ THỊ L**; sinh năm 1969, tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Buôn R, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; con ông Ngô Công D và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); bị cáo có chồng là Lê Văn D và 03 con: con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt thi hành án từ ngày 20/12/2016, hiện đang tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Lê Văn D và Ngô Thị L có quen biết với ông Hồ Viết T. Vào ngày 14/3/2016, T gọi điện cho D nói sẽ vào nhà chơi nhưng do lúc này D và L đang đi làm rẫy ở xã S, huyện B và hẹn T lúc khác đến chơi sau, D có nói lại việc T gọi điện thoại cho L nghe. Đến chiều ngày 15/3/2016, khi D và L đang làm rẫy tại xã S, L nói mệt và đi về xã P truyền nước, uống thuốc điều trị, lúc về L đem theo điện thoại của D. Khi về xã P, L không đi khám bệnh mà đi thẳng về nhà tại buôn R, xã P. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, L gọi điện thoại cho ông T rủ vào nhà chơi, T đồng ý. Tại đây, T và L ngồi nói chuyện với nhau, L ngỏ ý rủ T ngủ lại đến sáng hôm sau về sớm thì T đồng ý. T chủ động cởi quần áo dài, chỉ còn mặc quần đùi ngắn và lên giường nằm, còn L cũng đi lại ngồi ở mép giường. Lúc này, D về đến, nghe tiếng động trong nhà liền mở cửa vào thì phát hiện T và L đang nằm trên giường. Thấy D, T liền vùng dậy bỏ chạy nhưng bị D đá một cái vào ngực làm T ngã ngửa ra sau, rồi D chạy về phía nhà bếp, lấy lên một con dao dài khoảng 50cm giơ lên trước mặt T và nói “*đưa nào chạy tao chém chết*”. Thấy vậy, L quỳ xuống để xin D đừng đánh T và thừa nhận việc ngoại tình với T. D hỏi T có việc ngoại tình như L nói không thì T không thừa nhận nên D dùng tay, chân đánh T, L cũng dùng tay, dép, gậy và dây điện đánh nhiều cái vào người T. Sau đó, D nói L lấy sợi dây xích (loại dây xích T dùng để bọc lốp xe máy cày đi trời mưa) đang để dưới giường ngủ, đem ra để trước mặt ông T, D lấy ổ khóa treo trên cửa rồi yêu cầu T dùng một đầu dây xích tự khóa chân mình lại, đầu dây xích còn lại thì D lấy dây kẽm cột vào cột nhà rồi lấy kim xoắn cố định lại. Sau khi xích giữ T lại thì D tiếp tục tra hỏi T về mối quan hệ giữa T và L nhưng T không thừa nhận, đến 03 giờ sáng ngày 16/3/2016, thì D, L đi ngủ để mặc T bị xích. Đến 10 giờ ngày 16/3/2016, sau khi ngủ dậy D tiếp tục tra hỏi T, nhưng T vẫn không thừa nhận nên D tiếp tục dùng tay đánh T và dọa sẽ đi báo chính quyền nên T sợ và miễn cưỡng thừa nhận là đã có quan hệ tình dục với L. Lúc này, D nói đi báo chính quyền giải quyết hay giải quyết nội bộ (giải quyết nội bộ là đền bù bằng tiền) thì ông T xin giải quyết nội bộ và xin bồi thường bằng tiền thì D đồng ý. T nói bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, nhưng D nói “*cái tội mày như vậy, phá hạnh phúc vợ chồng tao mà đền bằng ấy ă*” và tiếp tục dọa đi báo chính quyền thì T sợ nâng lên 12.000.000 đồng. Khi nghe T nói đưa số tiền này thì D quay sang hỏi L có đồng ý hay không, lúc này L nói “*phải đưa 15.000.000 đồng mới được*”. Nghe vậy, D nói với T “*tội mày tao phải lấy 15.000.000 đồng, sao mày có đồng ý không*”. Lúc này, do bị trói và bị đánh nên T miễn cưỡng đồng ý, sau đó L đi lấy giấy bút ra

rồi D bắt T viết giấy bồi T theo nội dung “*T có hành vi không đúng đắn nên bồi thường cho D 15.000.000 đồng*”. Sau khi, viết giấy xong thì D yêu cầu T gọi điện thoại để nói người nhà đưa tiền vào, nhưng chưa có tiền và trong lúc T đang bị trói thì D lục túi quần của T lấy 91.000đ, 01 điện thoại di động và bắt T viết giấy thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M9-78xx của T cho D với mục đích khi nào T đưa tiền D sẽ trả điện thoại di động và xe mô tô cho T. D lấy 91.000.000 đồng của T đưa cho L và nói L đi mua 02 ổ khóa về để thay khóa xích ông T, L đến tiệm tạp hóa của anh Tống Văn Nghị (trú cùng buôn) mua 02 ổ khóa hiệu Huy Hoàng, D dùng 02 ổ khóa này thay ổ khóa cũ rồi xích T lại, sau đó đóng cửa đi làm. Đến tối cùng ngày (ngày 16/3/2016) khi đi làm về thì D tiếp tục yêu cầu ông T gọi điện thoại để người nhà đưa tiền vào, nhưng do đã khuya nên T nói để sáng ngày mai gọi thì D và L đi ngủ. Đến sáng ngày 17/3/2016, sau khi ngủ dậy thì D tiếp tục đưa điện thoại và yêu cầu ông T gọi điện thoại để đưa tiền vào nhưng vẫn chưa có tiền, nên D và L đóng cửa đi làm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T lấy được một cây xà beng để gần chỗ ông T bị khóa, rồi dùng xà beng này phá ổ khóa, sau đó cầm cả sợi dây xích đến Công an huyện Krông Búk trình báo vụ việc.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 416/PY-TgT, ngày 08/4/2016, của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Hồ Viết T bị đa thương phần mềm, tỷ lệ thương tích 02%. Vật tác động: Cứng, tày.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 08/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Krông Búk kết luận: 01 điện thoại Nokia 1202, trị giá 200.000 đồng; 01 xe mô tô Nomuza biển kiểm soát 47M9-78xx, trị giá 5.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ bao gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47M9-78xx hiệu Noomuza; 01 con dao dài 48cm; 01 khúc gỗ muông; 04 chìa khóa hiệu Huy Hoàng màu trắng sáng; 04 đoạn dây kim loại; 01 ổ khóa màu đen hiệu Việt Tiệp; 01 sợi dây điện; 01 cây xà beng; 01 sợi dây xích; 02 ổ khóa hiệu Huy Hoàng; 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi số tiền mà ông Hồ Viết T phải đưa là 15.000.000 đồng; 01 tờ giấy kẻ ngang có nội dung ông Hồ Viết T cầm xe mô tô biển kiểm soát 47M9-78xx cho Lê Văn D với giá trị 5.000.000 đồng, lãi suất 0,1%.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo D, L đã tự nguyện thỏa thuận bồi T cho ông Hồ Viết T 8.000.000 đồng và được ông T viết đơn bãi nại về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST, ngày 13/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị Lê Văn D, Ngô Thị L phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; 01 (một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/3/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 03 (ba) tháng tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”; 02 (hai) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; 01 (một) tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03(ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 26/3/2018, bị cáo Ngô Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đồng thời có đơn kêu oan cho rằng bị ép cung trong quá trình điều tra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên, bị cáo D khai không tự ý móc túi của ông T lấy 91.000 đồng và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị cáo L khai không biết bị cáo D lấy 91.000 đồng ở đâu đưa cho mình đi mua khóa do đó đề nghị HĐXX xem xét lại cho bị cáo về tội Cướp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo D và L về các tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 133 và khoản 1 Điều 135 là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét tổng mức hình phạt 04 năm 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Lê Văn D và 03 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Ngô Thị L là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy

đủ, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do nghi ngờ vợ mình là Ngô Thị L có quan hệ ngoại tình với ông Hồ Viết T nên trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 15/3/2016 đến sáng ngày 17/3/2016, Lê Văn D và Ngô Thị L đã có hành vi bắt giữ ông T trái pháp luật; dùng dao uy hiếp, dùng tay chân, dép, gậy, dây điện đánh đập ông T để ép ông T viết giấy bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời bắt ông T phải viết giấy thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 47M9 – 78xx với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 0,1%, lấy điện thoại di động trị giá 200.000 đồng, D đã lục túi quần của ông T lấy số tiền 91.000 đồng đưa cho L đi mua 02 ổ khóa về để thay ổ khóa xích chân ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Bắt giữ người trái pháp luật, Cưỡng đoạt tài sản và Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 135 và khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét đơn kêu oan của bị cáo Lê Văn D cho rằng trong quá trình tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã Buôn Hồ, bị cáo bị cán bộ điều tra bức cung, HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra vụ án, tại các biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2016 (BL 68 – 71), ngày 18/3/2016 (BL 72 – 75), ngày 22/3/2016 (BL 76 – 79); tại biên bản hỏi cung bị can ngày 24/3/2016 (Bl 80 – 85), bị cáo Lê Văn D đều thừa nhận đã có hành vi đánh đập ông T, ép ông T phải viết giấy bồi thường số tiền 15.000.000 đồng theo ý của D, sau đó do ông T chưa có tiền để đưa cho D nên D lại bắt ông T viết giấy cầm xe với mục đích lúc nào có tiền sẽ trả xe và thả ông T ra, đồng thời lấy trong túi quần ông T số tiền 91.000 đồng để đưa cho bà L đi mua ổ khóa mới. Xét thấy, lời khai nói trên của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo L, của người bị hại cũng như phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/9/2016 và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/11/2016, bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không kêu oan, cũng không đề cập đến việc bị bức cung.

Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để điều tra lại, quá trình điều tra lại vụ án, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng việc viết giấy bồi thường là do ông T tự nguyện viết, còn việc lấy số tiền 91.000 đồng đã được sự đồng ý của ông T, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cho rằng bị cán bộ điều tra đánh đập nên phải điểm chỉ vào các bản khai, HĐXX thấy rằng: Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can của bị cáo đều có sự tham gia của người chứng kiến hoặc có người đọc lại biên bản cho bị cáo nghe nên việc bị cáo cho rằng bị đánh đập, ép cung là không có căn cứ. Bị cáo cho rằng ông T tự nguyện viết giấy và đưa cho bị cáo số tiền 91.000 đồng để bồi T cho bị cáo nhưng không được người bị hại thừa nhận. Mặt khác, việc ông T viết giấy bồi T số tiền 15.000.000 đồng, viết giấy thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 47M9 – 78xx cho bị cáo, việc bị cáo lấy điện thoại di động và số tiền 91.000 đồng để trong túi quần của ông T được thực hiện trong lúc ông T đã bị các bị cáo dùng tay, chân, gậy và dây điện đánh vào người, dùng dây xích và dây kẽm trói vào cột nhà. Đây là hành vi dùng vũ lực. Ngoài ra, các bị cáo còn có hành vi dọa báo chính quyền địa phương hay giải quyết nội bộ. Như vậy, trong hoàn cảnh bị đánh đập liên tục, bị xích, trói nên ông T đã bị tê liệt ý chí phản kháng, sau đó bị cáo D lục túi ông T lấy điện thoại và số tiền 91.000 đồng. Hành vi dùng vũ lực là tiền đề, điều kiện để các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T. Những hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo D và bị cáo L về 03 tội: Bắt giữ người trái pháp luật, Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản là do định hướng của Quyết định Giám đốc thẩm số 29/2017/HS – GĐT ngày 03/7/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng, tất cả những hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Bắt giữ người trái pháp luật và Cướp tài sản chứ không phải là Bắt giữ người trái pháp luật, Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản do đó cần tiếp tục kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại vụ án về tội Cưỡng đoạt tài sản đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Thị L đề nghị HĐXX xem xét lại cho bị cáo về tội Cướp tài sản vì bị cáo không biết bị cáo D lấy số tiền 91.000 đồng ở đâu đưa cho bị cáo để mua ổ khóa. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng lời khai này của bị cáo L là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ quá trình điều tra, tại các biên bản hỏi cung bị can (BL 295; 297), Biên bản đối chất (BL 313) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều thừa nhận biết số tiền nói trên là do bị cáo D lấy của ông T.

[3]. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2016, ông Hồ Viết T thừa nhận biết việc bị cáo L rủ ông ở lại là nhằm mục đích quan hệ tình dục nhưng vẫn đồng ý ở lại. Hành vi phạm tội của các bị cáo một phần là do lỗi của người bị hại. Các bị cáo đã thành khẩn khai

báo, tự nguyện bồi T và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt về tội Cường đoạt tài sản để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về án phí HSPT: do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn D và Ngô Thị L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk về phần hình phạt

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 133; khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 03 (ba) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2016.

Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị Bản án sơ thẩm số 07/2018/HS – ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk và Bản án phúc thẩm số 173/2018/HSPT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng hủy một phần án bản sơ thẩm và bản án phúc thẩm nói trên về tội Cường đoạt tài sản.

[3]. Các bị cáo Lê Văn D, Ngô Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS thành huyện B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thanh Huyền**